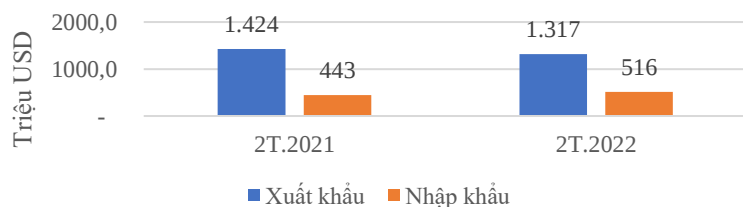


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**

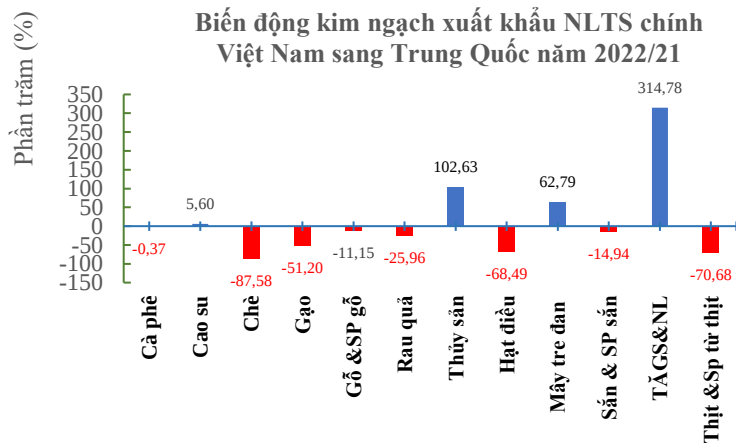
TÌNH HÌNH CHUNG

Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc (2T.2022/2T.2021)

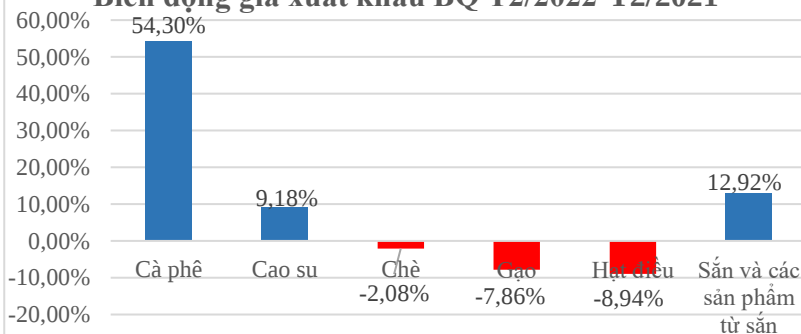
Xuất khẩu	▼ 07,56%
Nhập khẩu	▲ 16,44%



So sánh 2T.2022/2T.2021

Cà phê	▼ 00,37%
Cao su	▲ 05,60 %
Chè	▼ 87,58%
Gạo	▼ 51,20%
Gỗ và SP Gỗ	▼ 11,15%
Rau quả	▼ 25,96%
Thủy sản	▲ 102,63%
Hạt điều	▼ 68,49%
Mây tre đan	▲ 62,79%
Sản và SP Sản	▼ 14,94%
TÀGS và NL	▲ 314,78 %
Thịt và SP thịt	▼ 70,68%

Biến động giá xuất khẩu BQ T2/2022-T2/2021



So sánh giá xuất khẩu T2.2022/T2.2021

Cà phê	▲ 54,30 %
Cao su	▲ 09,18%
Chè	▼ 02,08%
Gạo	▼ 07,86%
Hạt điều	▼ 08,94%
Sản & SP sản	▲ 12,92%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 1,32 tỷ USD, giảm 7,56% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 515,81 triệu USD, tăng 16,44%. Tính riêng tháng 2/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 552,6 triệu USD, giảm 28,0% so với tháng trước và giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 2/2022 là cao su (chiếm 21,2%), rau quả (chiếm 20,6%), sản và sản phẩm từ sản (chiếm 17,3%), thủy sản (chiếm 14,9%), gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 11,9%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 6,9%), gạo (chiếm 4,0%). So với tháng 1/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: cà phê (tăng 129,0%), thủy sản (tăng 32,5%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 23,3%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là cao su (giảm 51,9%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 51,1%), sản phẩm mây, tre, cói và thảm (giảm 41,3%). So với cùng kỳ, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao là: thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 276,5%), sản phẩm mây, tre, cói và thảm (tăng 152,6%), thủy sản (tăng 147,8%), cà phê (tăng 63,0%); các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là chè (giảm 82,9%), gạo (giảm 59,2%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 43,5%), hạt điều (giảm 36,6%), rau quả (giảm 33,1%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn, tổng số phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh tính đến 20 giờ 00 ngày 07/4/2022 là 1.414 xe, trong đó có 1.157 xe hoa quả, 257 xe hàng khác; giảm 18 xe so với ngày 06/4/2022. Cụ thể, tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 350 xe, trong đó có 224 xe hoa quả (tất cả đều chở bằng container lạnh); tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 1.062 xe, trong đó có 933 xe hoa quả (chở bằng xe nóng là 267 xe, chở bằng container lạnh là 666 xe); tại cửa khẩu chính Chi Ma vẫn tạm dừng thông quan.

Trung Quốc đang trải qua đợt bùng phát dịch COVID-19 tồi tệ nhất trong hai năm qua khi số ca nhiễm liên tục tăng nhanh ở nhiều tỉnh, thành vốn có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế nước này. Chính quyền buộc phải siết các biện pháp phong tỏa, cách ly nghiêm ngặt và hệ quả là kinh tế, thương mại tiếp tục bị tác động tiêu cực

Theo Bloomberg, giới chức Trung Quốc trong năm nay chỉ đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 5,5%, thấp hơn hẳn so với mức 8,1% đạt được của năm ngoái. Bắc Kinh cũng đã cam kết sẽ cắt giảm thuế cho giới doanh nghiệp và tăng nguồn ngân

sách cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng, với hy vọng có thể giúp thúc đẩy chi tiêu của người tiêu dùng và đưa nền kinh tế thoát khỏi rủi ro suy thoái.

Theo công ty chứng khoán Everbright Securities, việc tiếp tục duy trì chiến lược zero Covid như hiện nay có thể khiến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới bị giảm tới 10 điểm phần trăm hàng quý.

Ngân hàng UBS (Thụy Sĩ) ước tính, tăng trưởng GDP của Trung Quốc trong quý đầu tiên của năm 2022 có thể đã giảm mạnh xuống mức 2-3%, so với mức 6,6% của quý 4/2021.

Hồi đầu tháng 3, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay kỳ hạn một năm ở mức 3,7%, một động thái đi ngược lại kỳ vọng của thị trường. Ngân hàng tư nhân Thụy Sĩ UBP nhận định, quyết định này phản ánh sự thận trọng của giới hoạch định chính sách PBoC.

Theo số liệu của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc công bố, Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) của tháng 3/2022, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã giảm từ mức 50,2 điểm trong tháng 2 xuống còn 49,5 điểm trong tháng 3 – mức thấp nhất trong vòng 5 tháng qua. Trong khi đó, chỉ số PMI của lĩnh vực phi sản xuất cũng giảm từ mức 51,6 điểm của tháng 2 xuống còn 48,4 điểm trong tháng 3 – mức thấp nhất kể từ tháng 8 năm ngoái. Đáng chú ý đây là lần đầu tiên trong hơn hai năm qua, cả hai chỉ số này của Trung Quốc đồng thời bị sụt giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm – biểu thị cho sự thu hẹp hoạt động kinh tế. Lần gần nhất cả hai chỉ số PMI đồng thời ở dưới ngưỡng này là vào tháng 2-2020, khi kinh tế Trung Quốc đang lao đao vì đại dịch Covid-19 mới bùng phát.

Theo Bloomberg, khoảng 72 tàu đã được phát hiện ngoài khơi cảng Thanh Đảo ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc ngày 14/3, gần gấp đôi số lượng vào cuối tháng 2/2022. Sự chậm trễ cho tàu qua cảng ngày càng tăng tại cảng Thanh Đảo và các khu vực khác của Trung Quốc dự kiến sẽ đẩy giá cước vận chuyển lên cao. Thông thường, sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, sẽ có một lượng lớn các tàu tìm cách “cập bến” Trung Quốc. Tuy nhiên, con số trong năm nay dự kiến lớn hơn rất nhiều do các đợt phong tỏa nhằm hạn chế sự bùng phát của biến thể Omicron. Sự lây lan nhanh chóng của biến thể Omicron tại Trung Quốc đang làm gia tăng áp lực lên các chuỗi cung ứng vốn đã căng thẳng do xung đột Nga - Ukraine. Các hãng tàu như AP Moller-Maersk đã hủy các dịch vụ đến Nga và tạm dừng một số chuyến hàng đường sắt từ Trung Quốc vào châu Âu. Cách tiếp cận không khoan nhượng của Trung Quốc đối với chính sách "Zero Covid" đã dẫn đến việc đóng cửa một phần cảng trong năm qua, làm trầm trọng thêm lo ngại về sự gián đoạn chuỗi cung ứng và sự gia tăng chi phí sản xuất. Giá dầu và

khí đốt toàn cầu tăng cao do căng thẳng Nga và Ukraine đang làm tăng thêm rủi ro lạm phát ở Trung Quốc khi chi phí nhà máy tiếp tục tăng.

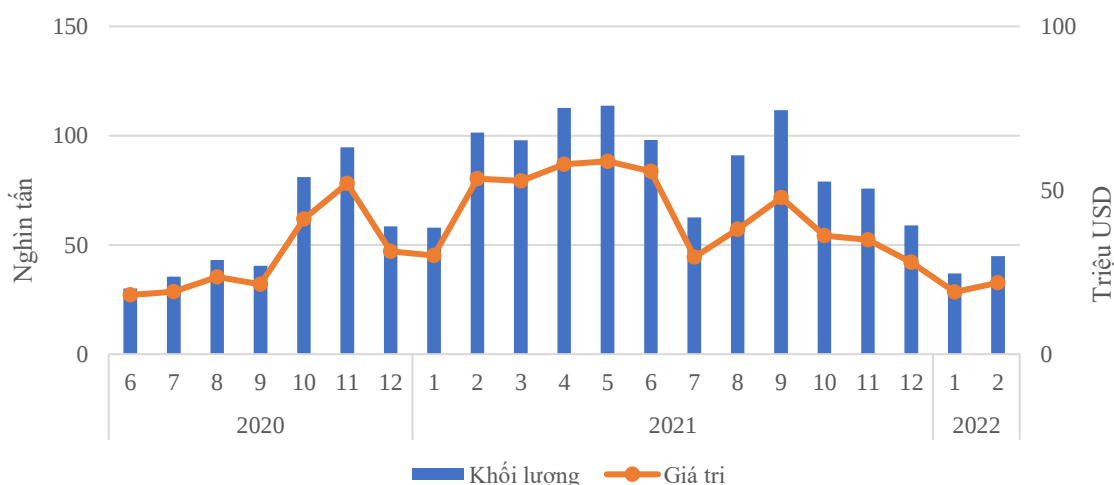
Một số địa phương ở Trung Quốc đang áp dụng nhiều biện pháp thúc đẩy nông nghiệp xanh, trong đó chú trọng khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ biogas giúp người nông dân tăng năng suất cây trồng và nâng cao hiệu quả canh tác. Từ nhiều năm nay, một số cơ sở tái chế ở nước này tặng miễn phí phân bón biogas cho người dân nhằm thay đổi dần thói quen trồng trọt sử dụng nhiều chất hóa học.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 44,9 nghìn tấn gạo, trị giá 21,8 triệu USD sang Trung Quốc tăng 21,3% về khối lượng và 15,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 55,7% về khối lượng và 59,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

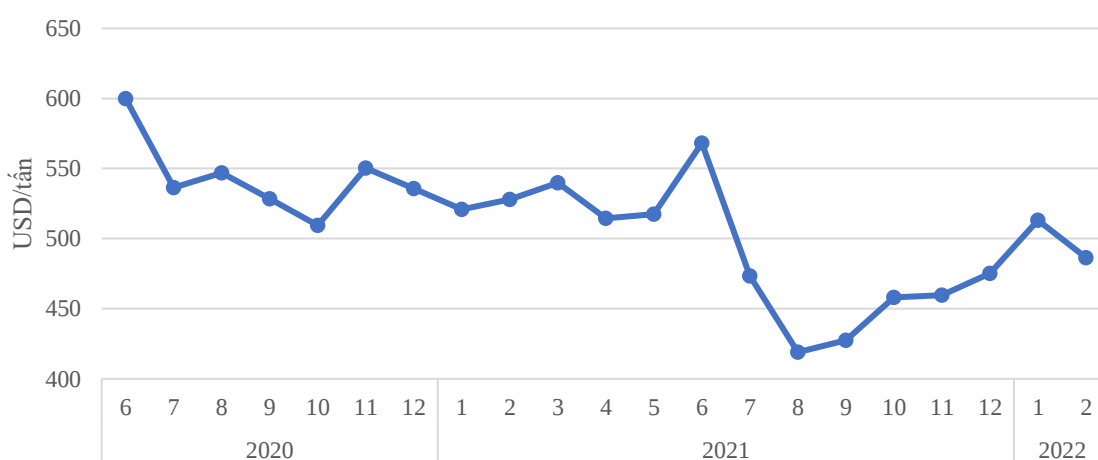
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022 đạt 486,4 USD/tấn, giảm 5,2% so với tháng trước, và 7,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

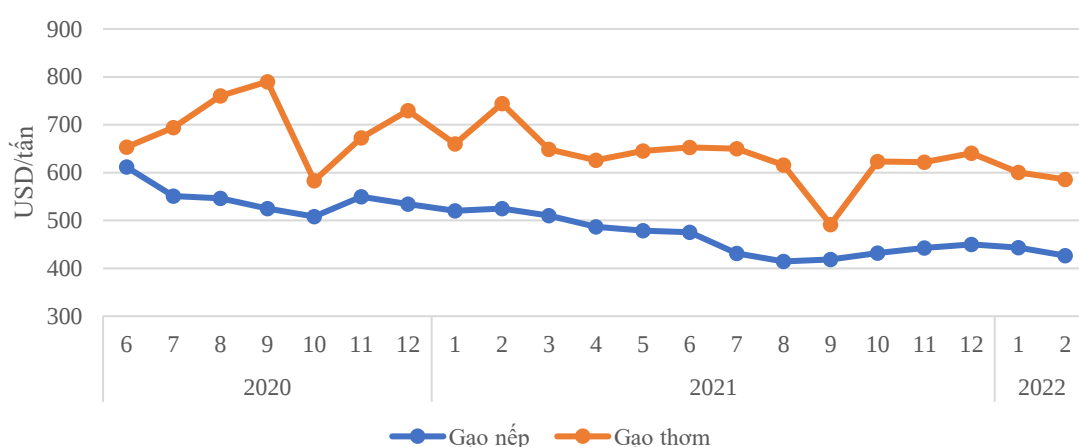


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 19,6 nghìn tấn và 10,9 triệu USD (chiếm 43,6% về khối lượng và 49,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm đã tăng lên 762,1% về khối lượng và 580,4% về giá trị. Tiếp đến là gạo nếp với 17,1 nghìn tấn với trị giá 7,3 triệu USD (chiếm 38,2% về khối lượng và 33,5% về giá trị), giảm 82,3% về khối lượng và 85,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Giá xuất khẩu gạo thơm là 585,8 USD/tấn, giảm 2,5% so với tháng trước và 21,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo nếp đạt 426,8 USD/tấn, giảm 3,7% so với tháng trước và 18,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

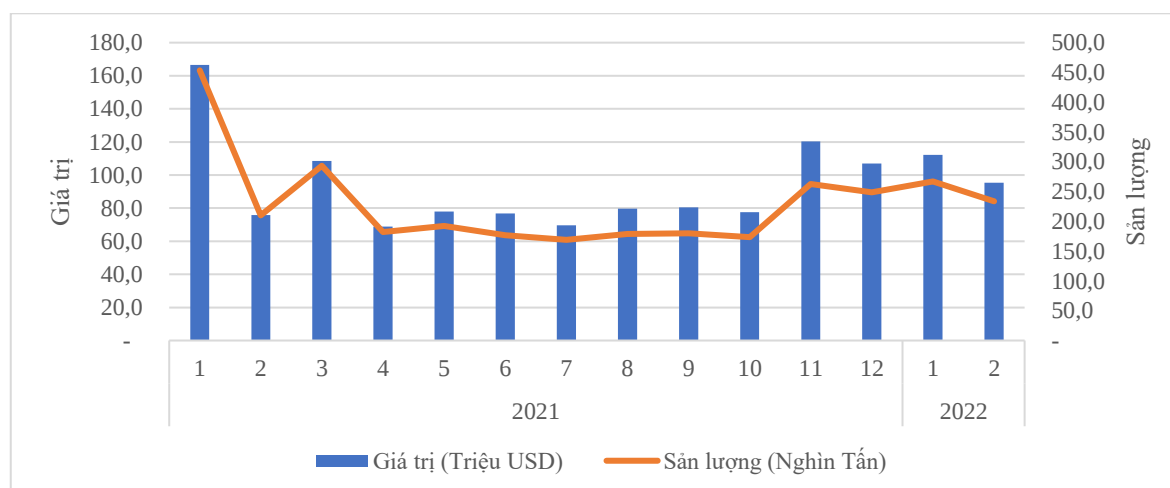
2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 2 tháng đầu năm 2022, khối lượng nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc đạt 710.400 tấn, trị giá 371 triệu USD, lần lượt tăng 32,89% và 53,61% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng nhập khẩu sản lát của Trung Quốc là 1,19 triệu tấn, trị giá 326 triệu USD, lần lượt tăng 44,97% và 46,81% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguồn nhập khẩu chủ yếu là Thái Lan và Việt Nam, khối lượng tinh bột sản nhập khẩu từ Thái Lan và Việt Nam lần lượt chiếm 66,46% và 25,75% tổng lượng tinh bột sản nhập khẩu của Trung Quốc. Khối lượng sản lát nhập khẩu từ Thái Lan và Việt Nam lần lượt chiếm 87,04% và 10,98% tổng lượng sản lát nhập khẩu.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 233,7 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 95,3 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 12,5% về khối lượng và giảm 14,0% về giá trị so với tháng 1/2022; tăng 11,3%

về khối lượng và tăng 25,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt 494,4 nghìn tấn, trị giá 205,8 triệu USD, giảm 25,4% về khối lượng và giảm 14,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

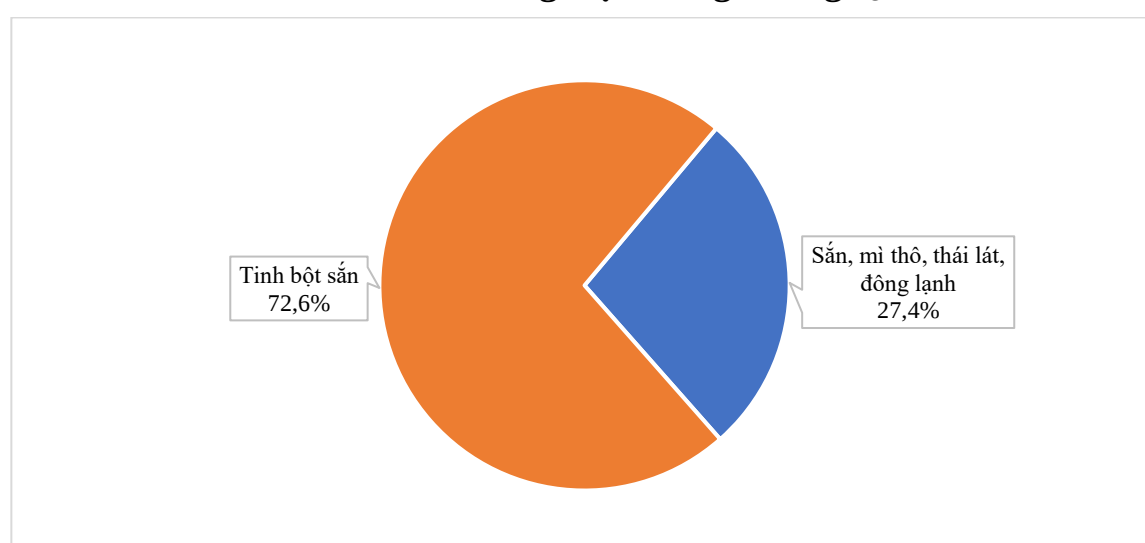
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 93,8% về khối lượng và 93,1% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 2 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 69,2 triệu USD, chiếm 72,6% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2021; sắn lát, đông lạnh đạt 26,1 triệu USD (chiếm 27,4%), tăng 7,6%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. RAU QUẢ

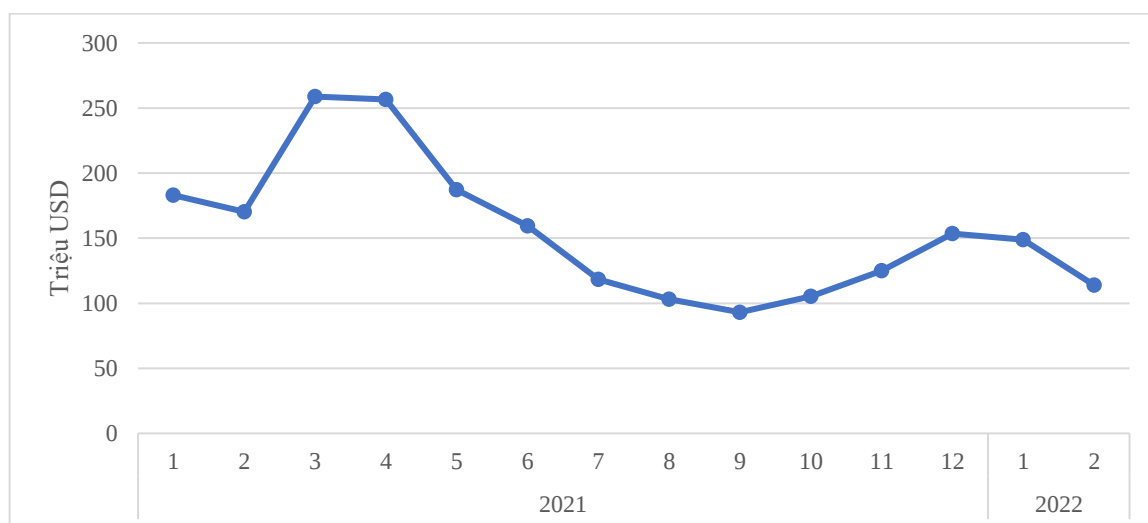
Theo số liệu hải quan Trung Quốc, nhập khẩu chuỗi của Trung Quốc trong tháng 2/2022 là 146.100 tấn, giảm 8,20% so với tháng 1 và tăng 5,94% so với cùng kỳ năm 2021. Giá chuỗi nhập khẩu bình quân trong tháng 2 là 664,89 USD/tấn, tăng 3,62% so với tháng 1 và tăng 19,55% so với cùng kỳ năm 2021.

Khối lượng xuất khẩu tươi và đông lạnh của Trung Quốc trong tháng 2/2022 đạt 69.900 tấn (giảm 49,71% so với tháng trước và giảm 21,83% so với cùng kỳ năm ngoái), giá trị đạt 73,74 triệu USD. Giá xuất khẩu bình quân đạt 1.054,3 USD/tấn, tăng 2,54% so với tháng trước và tăng 1,51% so với cùng kỳ 2021. Trong khi đó, giá xuất khẩu tươi khô trong tháng 2/2022 là 2.865,5 USD/tấn, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 7,07% so với cùng kỳ 2021.

Trong tháng 2/2022, Trung Quốc đã xuất khẩu 42.900 tấn táo tươi, với giá trị 54 triệu USD và giá bình quân là 1.261,9 USD/tấn. So với cùng kỳ 2021, khối lượng và giá trị xuất khẩu lần lượt giảm 34,02% và 41,34%, giá bình quân giảm 11,1%. Trong khi đó, trong tháng 2 Trung Quốc nhập khẩu 1.488,2 tấn táo tươi, với giá trị nhập khẩu là 3.610.150 USD và giá bình quân là 2.425,8 USD/tấn.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 2 năm 2022 đạt 113,9 triệu USD, chiếm 52,4% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 23,5% so với tháng trước và giảm 33,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 261,2 triệu USD (chiếm 51,4% thị phần), giảm 26,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

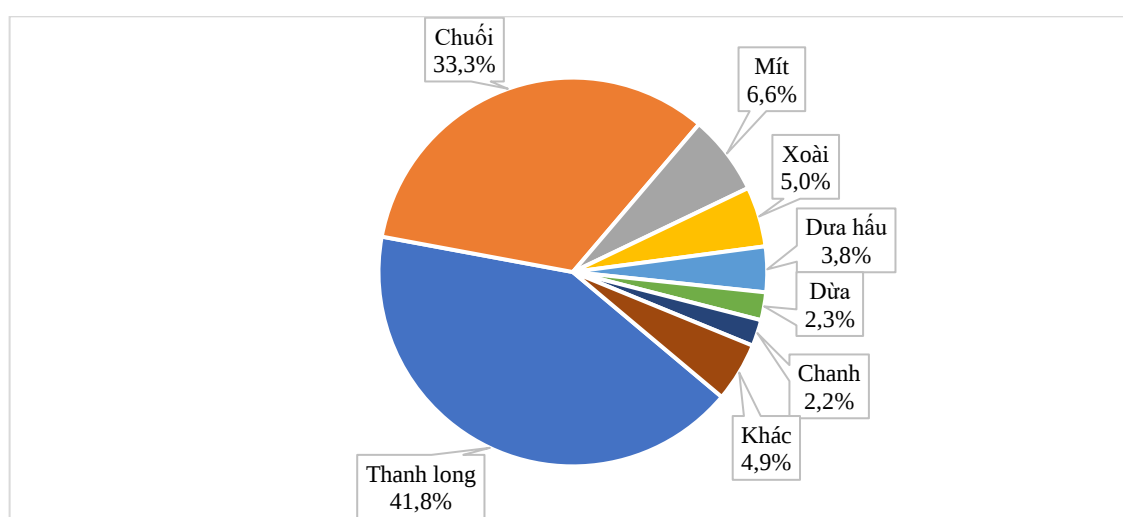


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 2 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 106,1 triệu USD (chiếm 93,6% thị phần, giảm 35,3% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt 7,3 triệu USD (chiếm 6,4%), tăng 34,8%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,98 triệu USD, tăng 208,8%; trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (2008) đạt 2,2 triệu USD, giảm 31,7%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 583,2 nghìn USD, giảm 23,1%; v.v.

Trong tháng 2 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 47,6 triệu USD (chiếm 32,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 47,5% so với cùng kỳ năm 2021; chuối đạt 37,9 triệu USD (chiếm 25,5%), tăng 91,5%; mít đạt 7,6 triệu USD (chiếm 5,1%), giảm 50,7%; xoài đạt 5,7 triệu USD (chiếm 3,8%), giảm 80,4%; dưa hấu đạt 4,3 triệu USD (chiếm 2,9%), giảm 52,2%; dứa đạt 2,6 triệu USD (chiếm 1,8%), tăng 93,3%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 2/2022



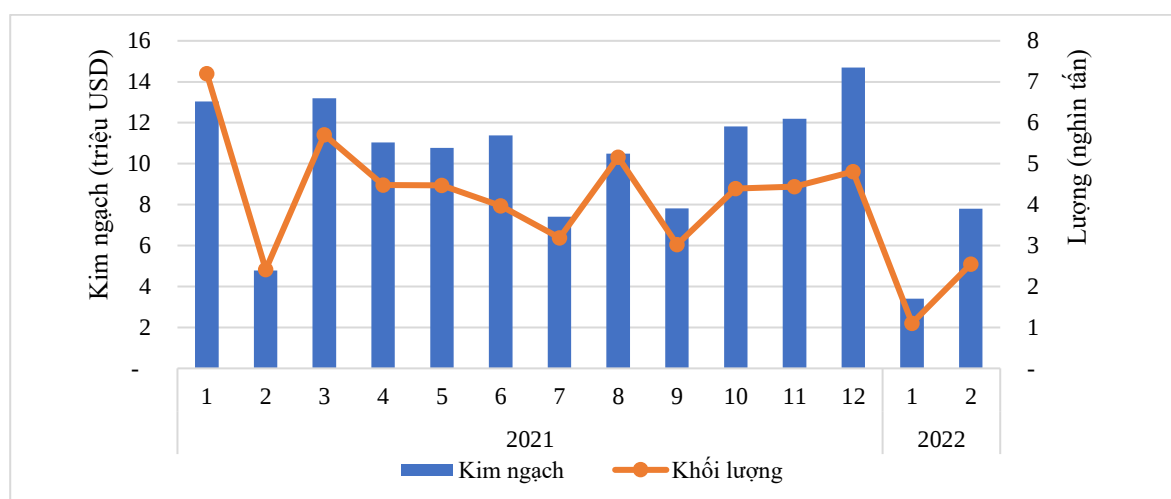
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 2 năm 2022 đạt 23,6 triệu USD, chiếm 25,8% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 27,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 96,3 triệu USD, chiếm 37,3% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 2/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 5,1 triệu USD (chiếm 21,2% tổng giá trị nhập khẩu), giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 3,5 triệu USD (chiếm 14,6%), giảm 67,0%; quýt đạt 3,3 triệu USD (chiếm 13,8%), giảm 21,5%; táo đạt 1,7 triệu USD (chiếm 7,2%), giảm 28,9%; óc chó đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,0%), cao gấp 10,6 lần; lê đạt 1,1 triệu USD (chiếm 4,8%), giảm 67,0%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 2/2022 ước đạt 2,5 nghìn tấn với trị giá 7,8 triệu USD, tăng 131,0% về lượng và 129,0% về giá trị so với tháng trước, và tăng 5,6% về lượng và 63,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

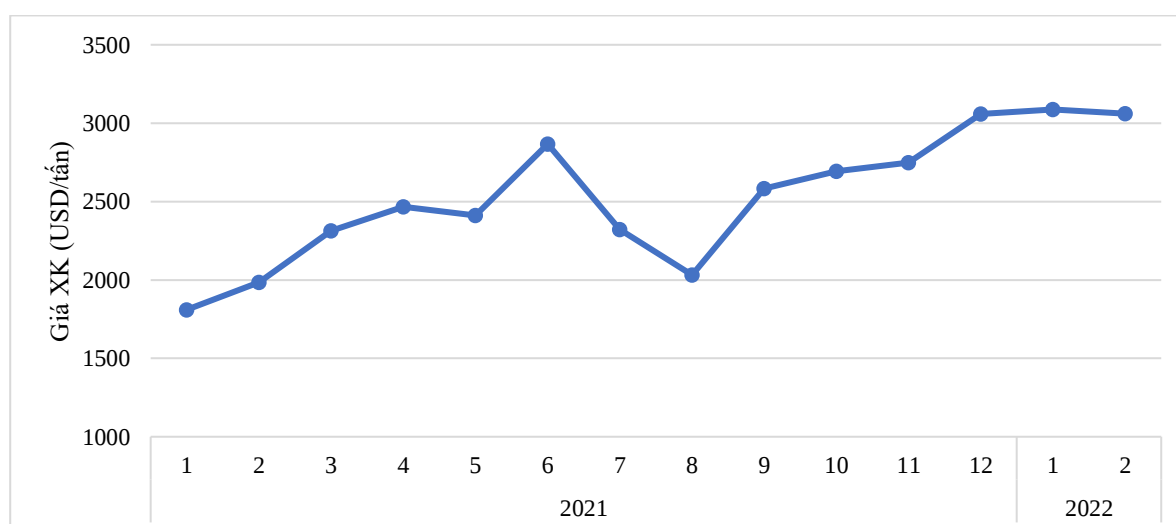
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 3.061 USD/tấn, giảm 0,8% so với tháng trước và tăng 54,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc

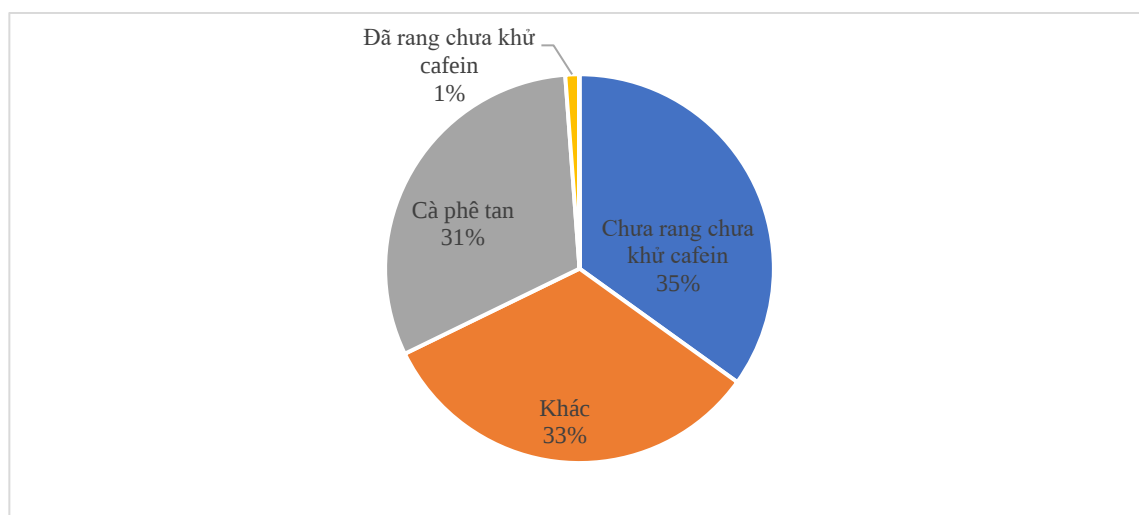


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 2,7 triệu USD, chiếm 34,9% tổng

giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 2,4 triệu USD, chiếm 31,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 2/2022

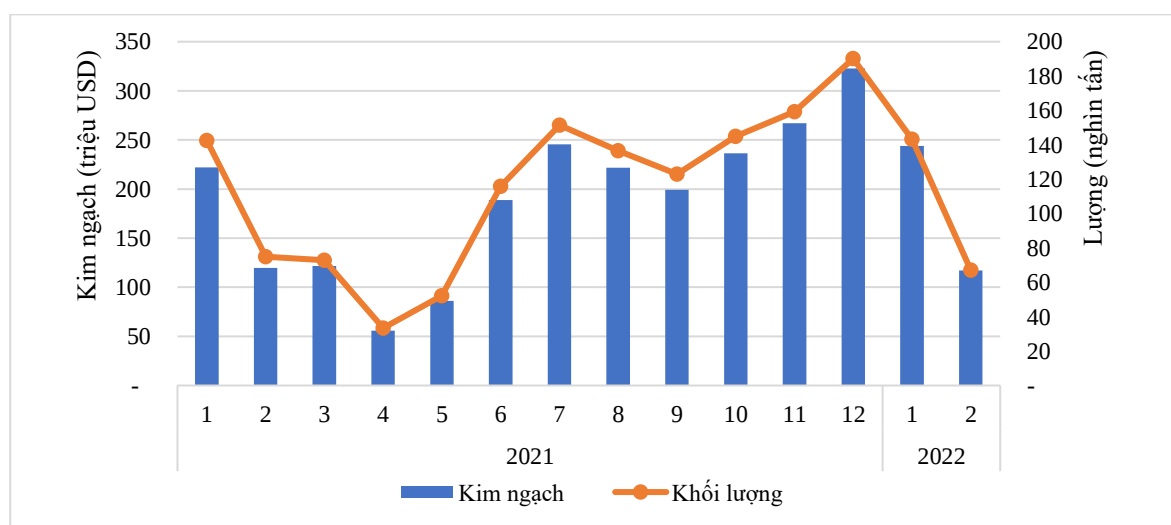


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 2/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 67,2 nghìn tấn với trị giá 117,2 triệu USD, giảm 53,1% về khối lượng và 51,9% về giá trị so tháng trước, và giảm 10,4% về khối lượng và 2,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

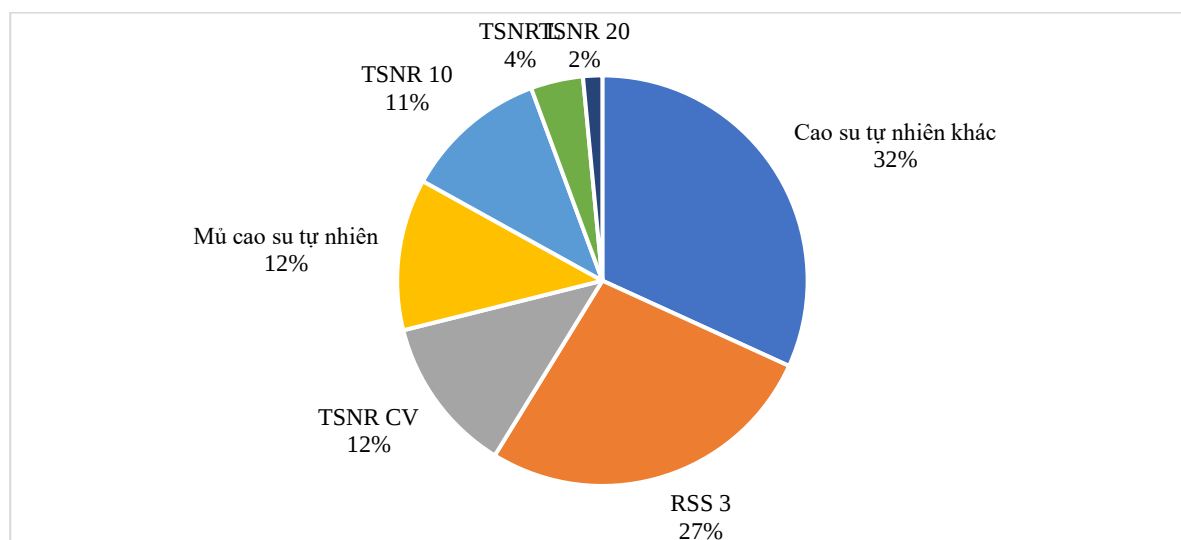
Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, RSS 3 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 2,9 triệu USD, chiếm 27,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,3 triệu USD, chiếm 12,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên và cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 chiếm lần lượt 11,9% và 11,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

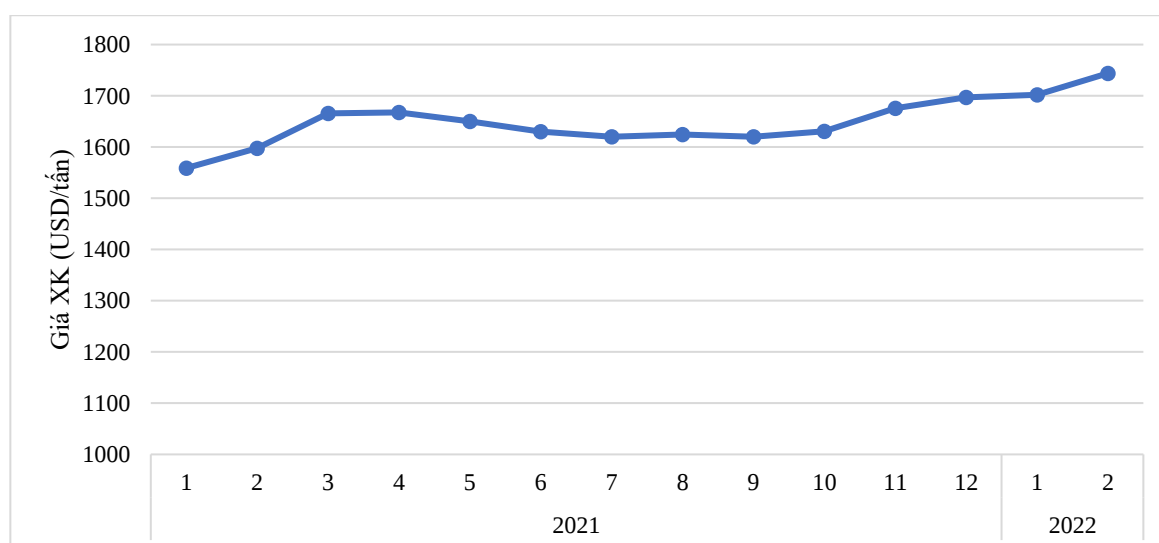
Hình 10: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 2/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022 đạt mức 1.744 USD/tấn, tăng nhẹ 2,5% so với tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ 2021.

Hình 11: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

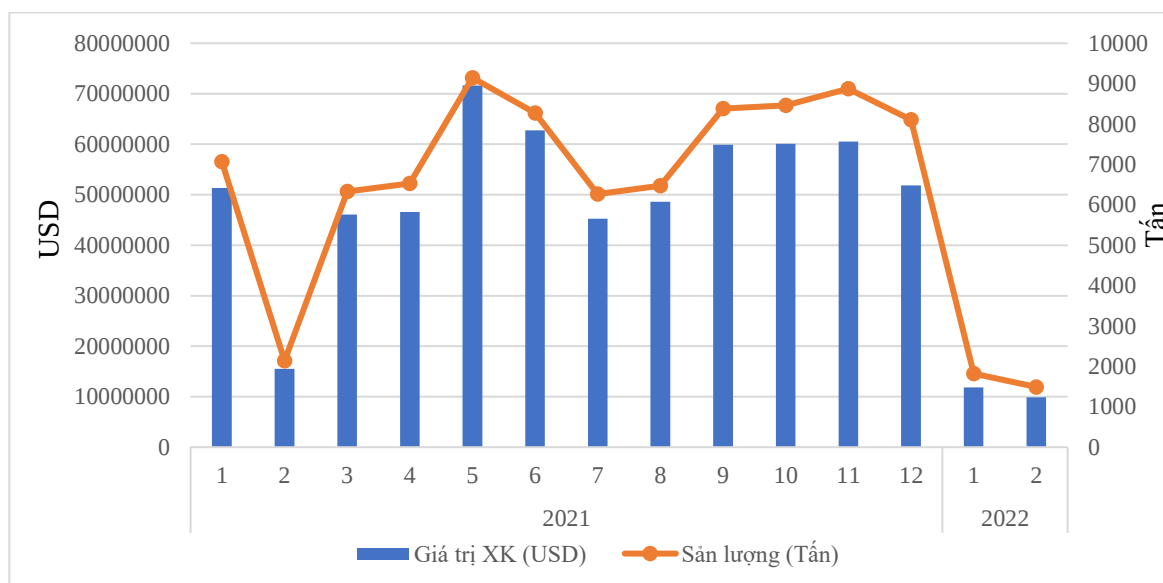


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 1,49 nghìn tấn, trị giá 9,8 triệu USD, giảm 18% về khối lượng và 16,7% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc cũng giảm khoảng 30% về khối lượng và 36% về giá trị.

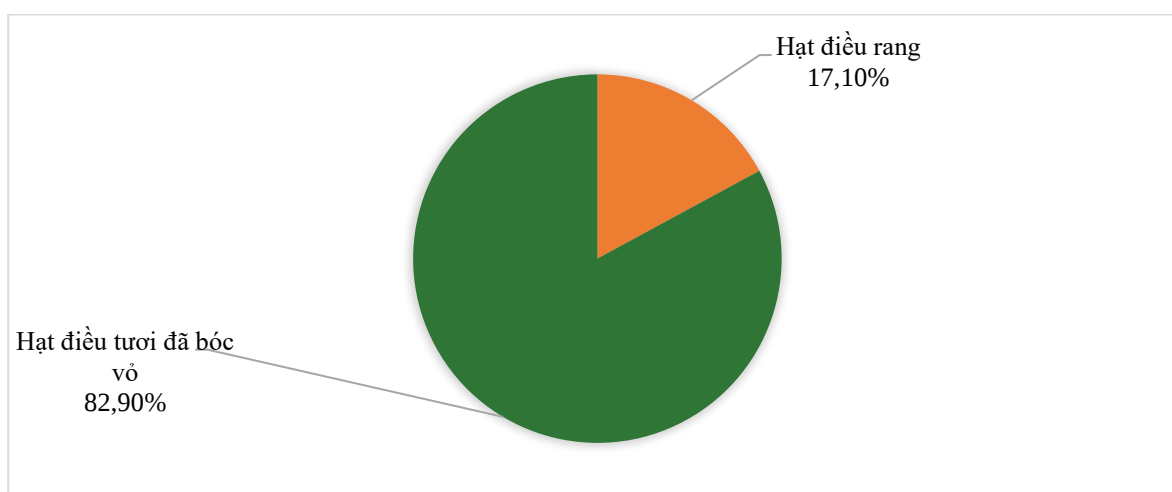
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 82,9%; hạt điều rang chiếm 17,1%.

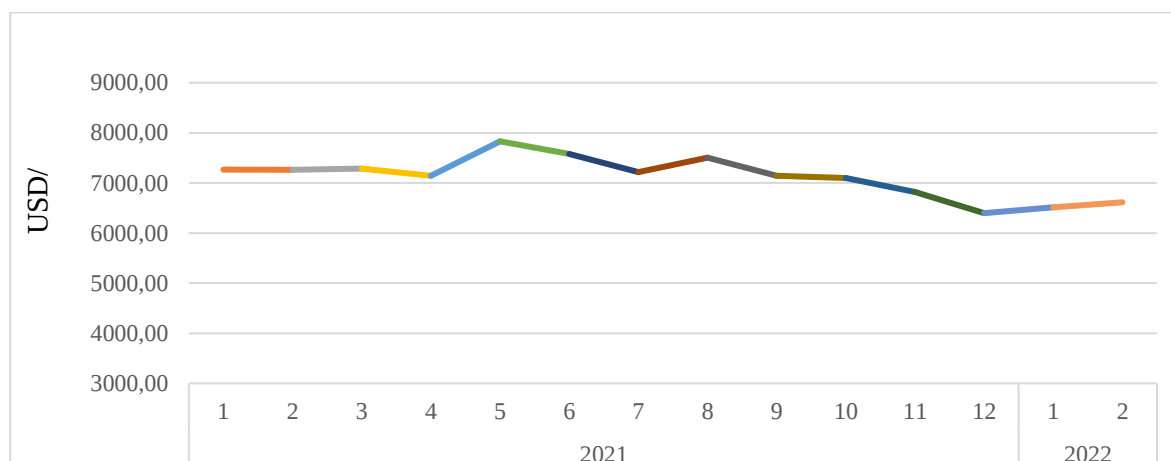
Hình 13: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022 có dấu hiệu hồi phục. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 6.613 USD/tấn, tăng 1,5% so với tháng trước nhưng giảm 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,9 USD/kg tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước; điều rang đạt 7,8 USD/Kg, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

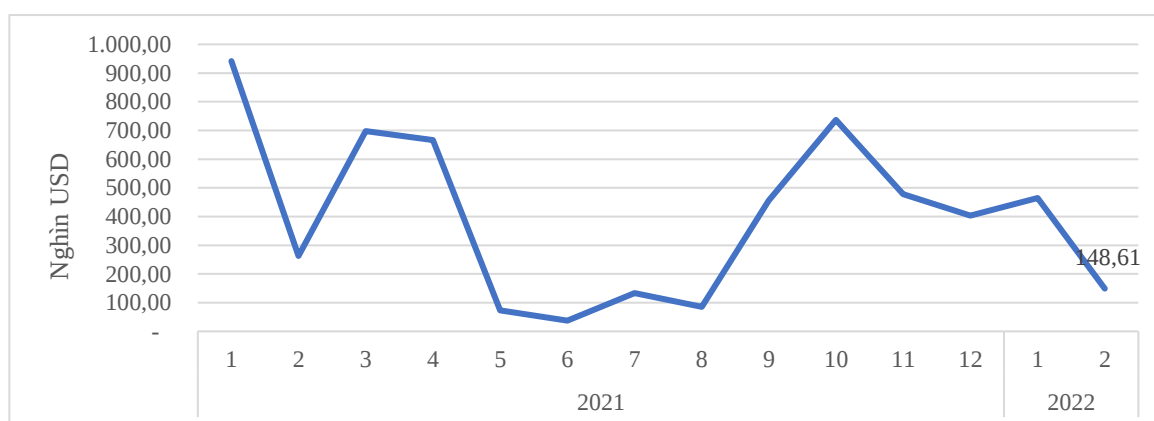
Tại Trung Quốc, do giá lợn liên tục giảm nên nước này đã thu mua 38.000 tấn thịt lợn để dự trữ. Người chăn nuôi trên khắp đất nước Trung Quốc đã và đang chịu thiệt hại lớn do giá thịt lợn giảm và chi phí thức ăn chăn nuôi tăng cao. Các nhà phân tích cho biết, việc thua lỗ kéo dài có thể khiến một số doanh nghiệp phải rời khỏi thị trường, dẫn đến sản lượng thịt lợn của Trung Quốc giảm mạnh. Thịt lợn chiếm hơn 60% lượng tiêu thụ thịt ở Trung Quốc. Giá thịt lợn là yếu tố quan trọng đối với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cũng như sinh kế của người dân ở Trung Quốc. Sau dịp Tết Nguyên đán 2022, nhu cầu tiêu dùng thịt lợn của người tiêu dùng giảm mạnh, nhưng với sự phục hồi liên tục của sản lượng lợn của Trung Quốc, nguồn cung trên thị trường vẫn tăng, có thể khiến giá thịt lợn tiếp tục giảm. Đàn lợn của Trung Quốc trước đây đã bị tiêu hủy bởi dịch bệnh tả lợn châu Phi từ năm 2018 đến năm 2019, khiến giá thịt lợn tăng vọt và đẩy chỉ số giá tiêu dùng tăng cao. Sau đó, Trung Quốc đã tái thiết đàn lợn và dần ổn định sản xuất.

Giá heo hơi trung bình tại Trung Quốc tiếp đà giảm mạnh vào đầu tháng 2, sau đó duy trì tương đối ổn định cho tới hết tháng. Nguồn cung trong nước ở mức cao, trong khi nhu cầu suy yếu kể từ sau Tết Nguyên đán được cho là nguyên nhân dẫn tới

sự giảm giá. Cụ thể, giá heo tại quốc gia châu Á giảm gần 12% trong tháng 2 xuống còn khoảng 12,6 nhân dân tệ/kg (NDT/kg).

Trong tháng 2/2022, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh, đạt giá trị 148,6 nghìn USD, giảm 84,2% so với tháng 1/2022 và giảm 43,4% so với cùng kỳ năm trước.

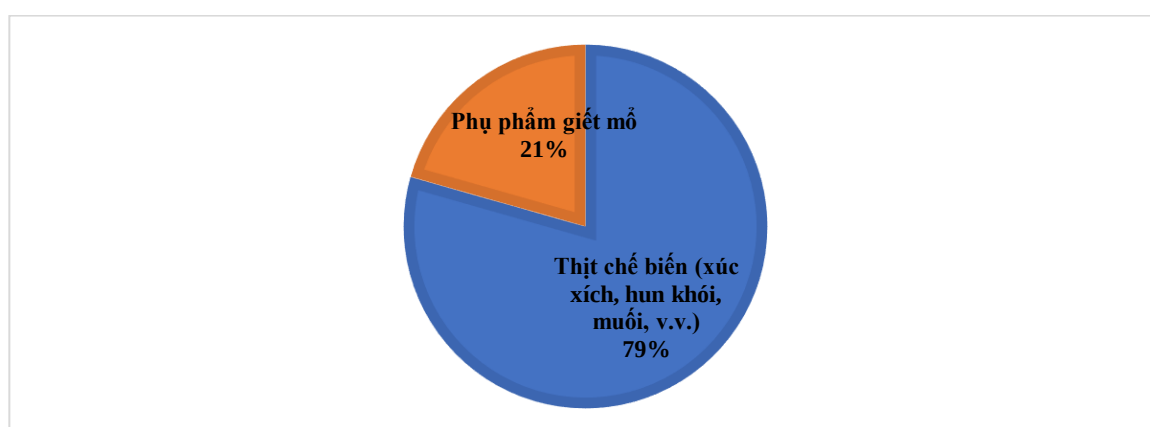
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 2 là thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối ...) đạt 722,13 nghìn USD, chiếm 79,4% tổng giá trị thịt và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường này; phụ phẩm giết mổ đạt 187,5 nghìn USD, chiếm 20,6%.

Hình 16. Cơ cấu thị và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 2/2022 vẫn tiếp tục giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước và đạt 148,6 nghìn USD, giảm 43,4% cùng kỳ năm 2021 và giảm

tới 84,2% so với tháng trước. Sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc là ba ba sống các loại.

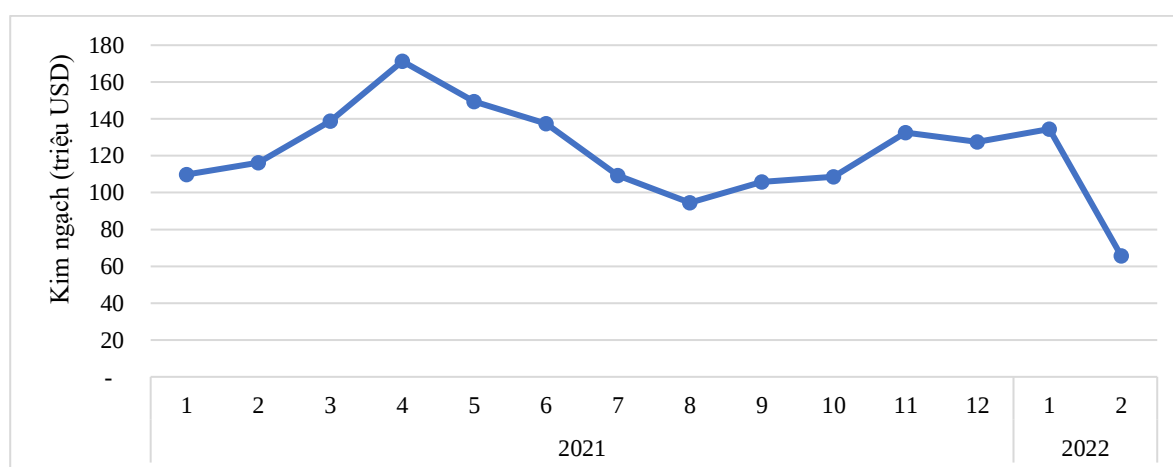
9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, năm 2021, kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 995,2 triệu USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Trung Quốc có nhu cầu lớn về đồ nội thất do dân số đông và thu nhập khả dụng ngày càng tăng. Ngoài ra, đô thị hoá, thị trường bất động sản tăng nhanh cũng là những yếu tố góp phần tăng nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất tại thị trường này.

Trong năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu nhiều nhất là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (mã HS 940360) và ghế khung gỗ (mã HS 940161 + 940169). Tỷ trọng nhập khẩu 2 mặt hàng này chiếm 64,9% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ. Trong đó, nhập khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn của Trung Quốc năm 2021 đạt 336,5 triệu USD, tăng 3,3% so với năm 2020. Trung Quốc nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ thị trường Ý, đạt 128,2 triệu USD, tăng 22,2% so với năm 2020, chiếm 38,1% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn; Tiếp theo là thị trường Việt Nam, Ba Lan và Litva... Nhập khẩu ghế khung gỗ của Trung Quốc năm 2021 đạt 309,1 triệu USD, tăng 26% so với năm 2020. Ý, Việt Nam, Thái Lan và Pháp là những thị trường cung cấp ghế khung gỗ lớn nhất cho Trung Quốc trong năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 2/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 65,7 triệu USD, giảm 51,1% so với tháng trước và giảm 43,5% so với cùng kỳ năm 2021.

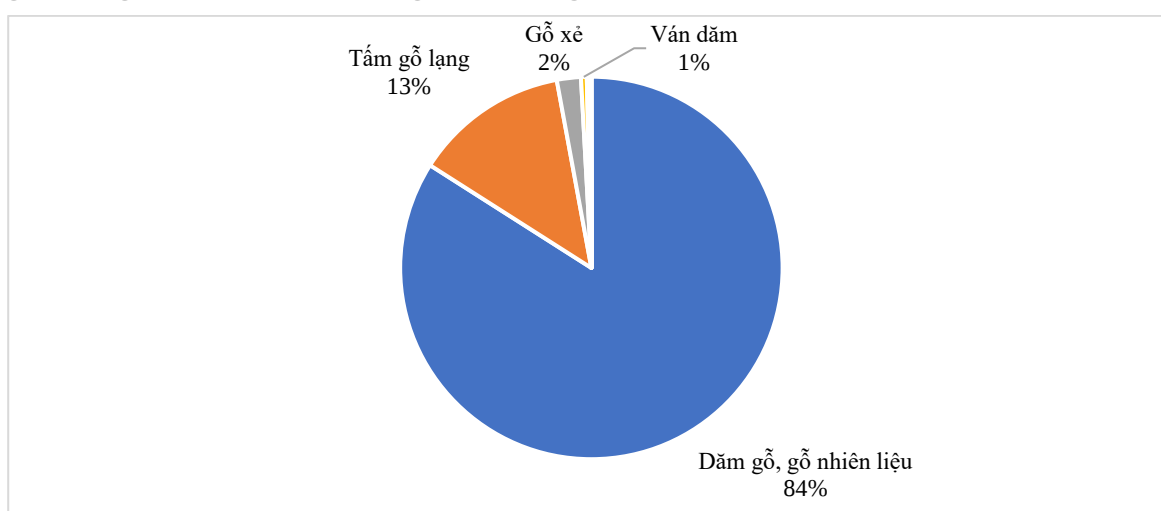
Hình 17: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 54,2 triệu USD, chiếm 84,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 8,4 triệu USD, chiếm 13,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 2,0% và 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 18: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 2/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỦY SẢN

Giữa tháng 3/2022, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GAC) đã thông báo đình chỉ nhập khẩu tôm từ 3 công ty của Ê-cu-a-đo sau khi phát hiện dấu vết của coronavirus trên bao bì sản phẩm, gồm các công ty: Cofimar, Procesadora Y Exportadora De Mariscos và Exportadora Total Seafood. Lệnh cấm nhập khẩu kéo dài trong 6 tuần.

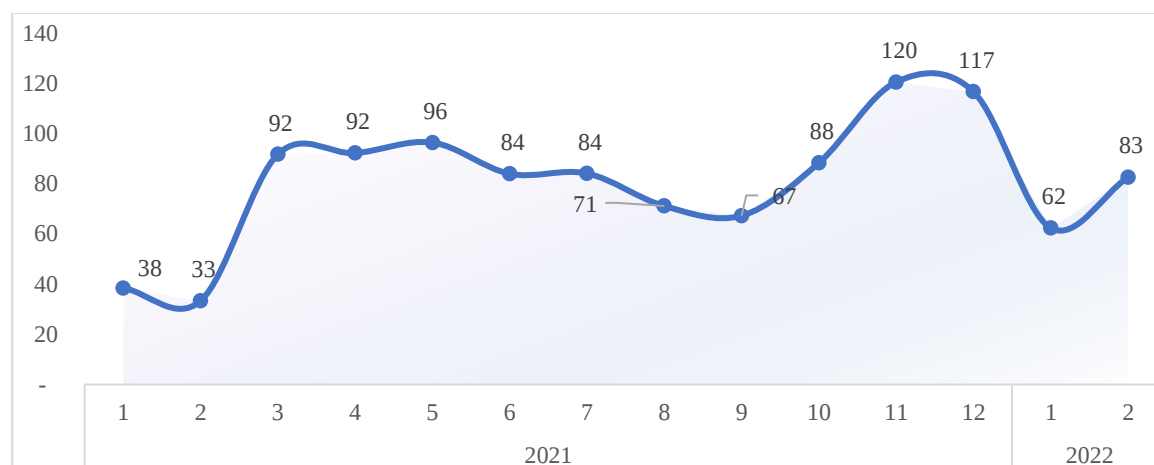
Giá tôm nguyên liệu tại Trung Quốc liên tục tăng kể từ giữa tháng 2/2022 đến tháng 3/2022 do nguồn cung thấp, nhu cầu tăng. Tại Trại Giang, tỉnh Quảng Đông, giá tôm cỡ 60 con/kg tăng từ 56 NDT/kg (tương đương 8,86 USD/kg) vào ngày 10/2/2022, lên 74 NDT/kg (tương đương 11,7 USD/kg) vào ngày 11/3/2022, tăng 32%. Giá tôm chân trắng nuôi tại Sơn Đông, tỉnh Phúc Kiến và các khu vực khác tại tỉnh Quảng Đông cũng tăng với giá tôm cỡ lớn tăng nhiều hơn so với tôm cỡ nhỏ.

Theo Vasep, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc tăng 26% đạt 114.000 tấn trong 2 tháng đầu năm 2022 khi người tiêu dùng Trung Quốc tiếp tục khôi phục niềm tin vào tôm nhập khẩu.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022 đạt 82,5 triệu USD, tăng 147,8% so với cùng kỳ năm trước, và tăng 32,5% so với tháng 2/2022. Tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 20%; cá da trơn chiếm 53,5%.

Hình 19. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

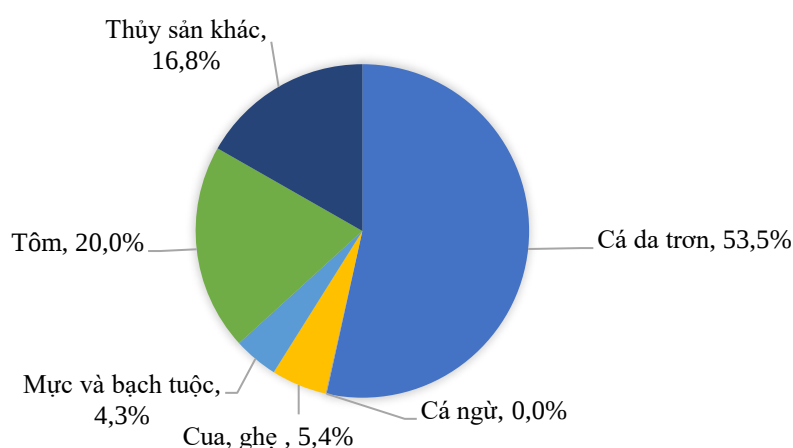
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng khả quan chủ yếu nhờ xuất khẩu cá da trơn đang trên đà phục hồi mạnh. Bên cạnh đó, một số chuyên gia nghiên cứu thị trường Trung Quốc cho rằng nhu cầu thủy sản của Trung Quốc đang tăng mạnh để phục vụ tái xuất khẩu, trong khi nguồn cung của nước này đang ở mức thấp.

Hình 20. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 2/2022

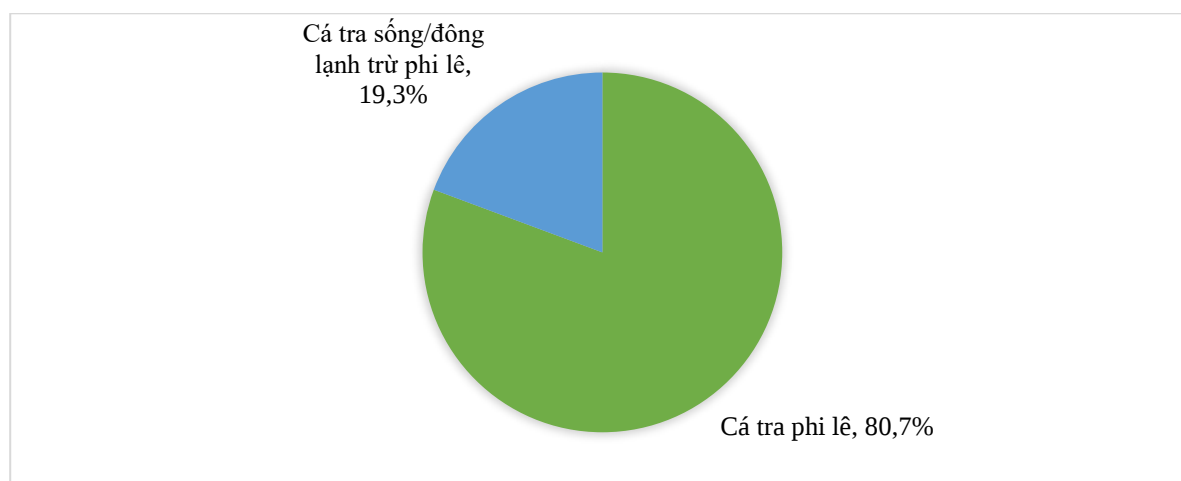


Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh (311,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng gần 70% so với tháng 1/2022). Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này đạt 44,1 triệu USD, chiếm 53,5% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị

trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 80,7%, đạt 35,6 triệu USD, tăng 357,3% so với cùng kỳ năm trước và tăng 85,8% so với tháng trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 19,3%, đạt 8,5 triệu USD, tăng 189,5% so với năm 2021 và 24,3% so với tháng 1/2022.

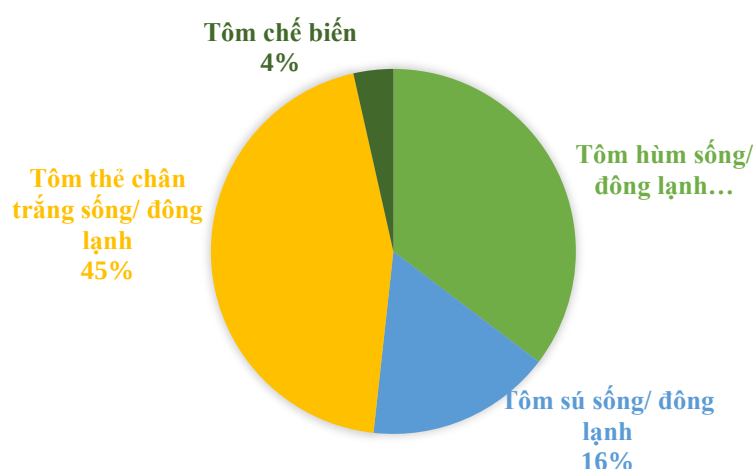
Hình 21. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này có xu hướng tăng trở lại đạt 16,5 triệu USD, tăng 46,9% so với tháng trước và 38,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ sú sống/đông lạnh đạt 2,7 triệu USD, chiếm 16,1% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 51,6% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 0,6 triệu USD, chiếm 3,5%, giảm 58,3%; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 7,2 triệu USD, chiếm 43,9%, tăng 76%; tôm hùm sống/đông lạnh đạt 5,7 triệu USD, chiếm 34,7%, tăng 491,2%.

Hình 22. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 2/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 3,6 triệu USD, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 121% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 4,4 triệu, chiếm 5,4%, tăng 147,4%; thủy sản khác đạt 13,8 triệu USD, chiếm 16,8%, tăng 91,3%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 2/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,3 USD/kg, tăng 31,5% so với cùng kỳ năm trước và 6,6% so với tháng 1/2022. Tôm đạt 10,8 USD/kg, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 21,5% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 2/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,3	31,5%	6,6%
2	Cua, ghẹ	9,1	79,0%	4,8%
3	Mực và bạch tuộc	2,7	10,3%	2,5%
4	Tôm	10,8	12,3%	-21,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

USDA dự báo sản lượng lúa của Trung Quốc năm nay sẽ đạt khoảng 211,4 triệu tấn, giảm 1,4 triệu tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính do diện tích trồng có xu hướng giảm cũng như việc chính phủ đang khuyến khích trồng các loại cây hạt nhiều dầu. Nhu cầu tiêu thị ước khoảng 150 triệu tấn, giảm 5 triệu tấn so với năm ngoái do người dân thay đổi chế độ dinh dưỡng và nhu cầu thức ăn chăn nuôi có thể giảm nhẹ khi ngành nuôi lợn có xu hướng thu hẹp. Nhu cầu nhập khẩu ước tính sẽ đạt 5 triệu tấn, tăng 0,4 triệu tấn so với năm ngoái. Trong năm ngoái, tỷ trọng nhập khẩu gạo của Trung Quốc là 22% từ Ấn Độ, 22% từ Việt Nam, 20% từ Pakistan, 16% từ Myanmar, 12% từ Thái Lan và còn lại từ các nước khác. Tuy nhiên năm nay kỳ vọng nhập khẩu từ Thái Lan có thể sẽ tăng lên khi Thái Lan dự định tăng cường xuất khẩu gạo và nông sản sang Trung Quốc thông qua tuyến đường sắt Lào – Trung Quốc.

2. Rau quả

Về việc giải bài toán xuất khẩu hàng hoá, đặc biệt là hàng nông sản rau quả sang Trung Quốc, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) đánh giá, thực tế cho thấy nhiều năm qua, các điểm yếu cố hữu của hàng nông sản Việt vẫn chưa được xử lý triệt để. Trung Quốc đang siết chặt kiểm soát dịch bệnh, còn doanh nghiệp, người nông dân nước ta trong quá trình sản xuất chưa bám sát tín hiệu, nhu cầu thị trường nhập khẩu. Cục này dự báo, xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc tới đây còn tiếp tục khó khăn bởi chính sách "Zero Covid" của Trung Quốc và các quy định, điều kiện về đăng ký truy suất nguồn gốc hàng hóa xuất sang Trung Quốc v.v.

Theo ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng Thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam, dịch bệnh sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp làm hạn chế xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Cùng với đó, chi phí vận tải, logistics cũng quá cao, tăng gấp 3 - 4 lần và chưa có điểm dừng. Tình trạng thiếu container lạnh, tàu lạnh khiến việc bảo quản sản phẩm xuất khẩu không bảo đảm nếu thời gian di chuyển kéo dài... Hiện nay, hàng xuất đi Trung Quốc gặp khó khăn ở cả đường bộ và đường biển. Các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả cần có các phương án xuất khẩu phù hợp.

3. Cà phê

Theo dự báo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ra vào tháng 12/2021, niên vụ 2021/2022 nhập khẩu cà phê của Trung Quốc đứng thứ 8 toàn cầu đạt mức không đổi so với niên vụ trước là 3.350 nghìn bao, trong đó nhập khẩu cà phê rang xay là 300 nghìn bao, nhập khẩu cà phê hòa tan chỉ đứng thứ 2 sau Philippin với khối lượng không đổi là 1,8 triệu bao.

4. Sản và sản phẩm từ sản

Trung Quốc hiện là thị trường nhập khẩu sản và tinh bột sản lớn nhất thế giới và cũng là thị trường tiêu thụ sản và các sản phẩm từ sản lớn nhất của Việt Nam với khoảng 95% tổng sản lượng xuất khẩu. Ngoài sản xuất ethanol, với sự hồi phục của ngành chăn nuôi lợn sau khi bị dịch tả lợn châu Phi, trong khi nguồn cung ngô ở Nam Mỹ gặp khó khăn do thời tiết bất lợi, nên Trung Quốc tăng cường nhập khẩu sản lát và tinh bột sản để làm thức ăn chăn nuôi, nhất là trong bối cảnh giá thức ăn tăng cao bởi ảnh hưởng xung đột giữa Nga và Ukraina.

Tuy nhiên, theo đại diện Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương), hơn 65% sản lượng sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam xuất khẩu sang Trung quốc theo hình thức giao hàng tại biên giới, qua các cửa khẩu ở Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai. Trong khi, từ ngày 1/1/2022, Trung Quốc đã trở thành thành viên của Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) nên sản phẩm xuất khẩu không đạt tiêu chuẩn của các thị trường thành viên RCEP sẽ không chỉ đối diện với việc mất thị trường mà còn có nguy cơ ảnh hưởng tới cả một ngành sản xuất. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu sản cần chuyển mạnh sang xuất khẩu theo hướng chính ngạch. Mặt khác, cần tiến hành rà soát lại quy hoạch vùng trồng và tổ chức lại sản xuất để sản phẩm của Việt Nam phải là sản phẩm sạch, đáp ứng được tiêu chí thị trường, nhất là trong bối cảnh tới đây thực hiện đề án xuất khẩu chính ngạch; tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm sản Việt Nam.

5. Thủy sản

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đang dần phục hồi tích cực do nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đang tăng cao nhằm khôi phục sản xuất trong nước. Tuy nhiên các doanh nghiệp cần chú ý một số nội dung sau để sản phẩm xuất khẩu không bị trả lại: (i) Cơ sở được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD) thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm và có tên trong danh sách được phép xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc; (ii) Các lô hàng được thẩm định, kèm theo chứng thư theo mẫu do NAFIQAD cấp theo mẫu quy định. Đồng thời, sản phẩm xuất khẩu nằm trong danh mục được Trung Quốc công nhận gồm 128 loài/ dạng sản phẩm và 48 loài thủy sản động vật thủy sản sống; (iii) Riêng cơ sở bao gói tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua, tôm hùm sống thì các cơ sở phải có tên trong danh sách riêng được Trung Quốc công nhận. Các cơ sở nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng phải có tên trong danh sách được Trung Quốc công nhận; (iv) Các cơ sở nuôi này phải được cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản ở địa phương kiểm tra, chứng nhận điều kiện an toàn thực phẩm/điều kiện vệ sinh thú y và được cấp mã số. Và được cơ quan thú y địa

phương triển khai giám sát các bệnh TSV, MBV, WSSV, IHHNV của 3 giai đoạn nuôi.

Về tiêu chí phòng chống COVID-19, doanh nghiệp cần nghiên cứu hướng dẫn của FAO, WHO và áp dụng “Hướng dẫn phòng chống COVID-19” (bản cập nhật) ban hành tháng 2 của Trung Quốc, trong đó có một số điểm mới: (i) Thiết lập hệ thống đăng ký sức khỏe cho nhân viên khi đi làm: công nhân mới phải có chứng nhận đã tiêm phòng COVID-19, kết quả xét nghiệm PCR trong vòng 48 giờ; (ii) Theo dõi sức khỏe nhân viên hàng ngày: thiết lập Sổ tình trạng sức khỏe (bao gồm 10 triệu chứng chủ yếu: sốt, ho khan, mệt mỏi, giảm khứu giác vị giác, nghẹt mũi, chảy mũi, đau họng, viêm kết mạc, đau cơ, đau bụng tiêu chảy); (iii) Xét nghiệm PCR đối với nhân viên: nhân viên tham gia sản xuất phải được test PCR. Nhân viên tại các vị trí rủi ro cao (vận chuyển, bốc dỡ, tháo container, khử trùng, xe nâng, quản kho, bao gói, lấy mẫu,... cần được tăng cường tần suất xét nghiệm phù hợp; (iv) Các loại chất khử trùng, cách sử dụng các chất khử trùng, đánh giá hiệu quả khử trùng.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 2/2022

Sản phẩm	Tháng 2/2022 (USD)	Tăng/giảm so T1/2022	Tăng/giảm so T2/2021	Tỷ trọng
Tổng XKNLTS	553.507.600	-27,9%	-7,8%	100%
Cà phê	7.800.242	129,0%	63,0%	1,4%
Cao su	117.155.501	-51,9%	-2,2%	21,2%
Chè	120.045	-33,3%	-82,9%	0,0%
Gạo	21.828.314	15,0%	-59,2%	3,9%
Gỗ và SP Gỗ	65.656.885	-51,1%	-43,5%	11,9%
Rau quả	113.857.331	-23,5%	-33,1%	20,6%
Hàng thủy sản	82.542.254	32,5%	147,8%	14,9%
Hạt điều	9.853.744	-16,7%	-36,6%	1,8%
Mây tre đan	513.747	-41,3%	152,6%	0,1%
Sắn & SP sắn	95.329.351	-15,0%	25,6%	17,2%
TĂGS & NL	37.940.513	23,3%	276,5%	6,9%
Thịt & SP Thịt	909.673	317,6%	297,2%	0,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 2/2022

Mặt hàng	T02/2021 (USD)	T02/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng	4.785.008	7.801.337	63,04%
Chưa rang chưa khử cafein	3.082.432	2.724.384	-11,62%
Khác	753.898	2.563.831	240,08%
Cà phê tan	809.442	2.421.396	199,14%
Đã rang chưa khử cafein	139.237	89.166	-35,96%
Đã rang đã khử cafein	-	2.560	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 2/2022

Sản phẩm	T2/2021 (USD)	T2/2022 (USD)	So sánh T2.2022/T2.2021
Tổng giá trị XK	170.157.581	113.857.331	-33,1%
Thanh long	90.611.284	47.597.452	-47,5%
Chuối	19.813.762	37.943.522	91,5%
Mít	15.368.390	7.569.613	-50,7%
Xoài	29.030.194	5.688.800	-80,4%
Dưa hấu	9.019.972	4.313.540	-52,2%
Dừa	1.363.828	2.635.659	93,3%
Chanh	1.008.620	2.504.323	148,3%
Vải	4.595	2.952	-35,8%
Măng cụt	-	2.890	-
Nhãn	448.694	-	-100,0%
Chôm chôm	240.947	-	-100,0%
Khác	3.247.295	5.598.582	72,4%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 4: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc năm tháng 2/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 2/2022 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Tổng	82.542.254,0	33.311.680,0	147,8%
Cá da trơn	44.123.640,8	10.730.276,2	311,2%
Cua, ghẹ	4.434.299,4	1.792.085,3	147,4%
Mực và bạch tuộc	3.567.383,8	1.614.436,0	121,0%
Tôm	16.509.197,5	11.946.936,7	38,2%
Thủy sản khác	13.827.995,0	7.227.945,8	91,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản chính sang Trung Quốc tháng 2/2022

Sản phẩm	T2.2021 (USD)	T2.2022 (USD)	So sánh T2.2022/T2.2021
Tổng giá trị XK	75.885.163	95.329.351	25,6%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	24.247.777	26.101.070	7,6%
Tinh bột sắn	51.637.386	69.228.281	34,1%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 2/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 2/2021		Tháng 2/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	2.271	1.601.566	19.578	10.896.843	762,1%	580,4%
Gạo nếp	96.705	50.688.392	17.135	7.307.821	-82,3%	-85,6%
Gạo trắng	2.030	1.016.276	8.165	3.623.650	302,2%	256,6%
Các loại gạo khác	49	32.013	0	0	-100,0%	-100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan